CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn An Phát Holdings

Ngày 30/06/2025	6,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.5%	**-**	**-9.2%**

DT thuần
Q2/25
2,314
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,544| -40.0%
YoY: ▼938| -28.9%

LN thuần
Q2/25
210
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 154| 274%
YoY: ▲ 27.0| 14.6%

LN sau thuế
Q2/25
175
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 128| 275%
YoY: ▲ 37.0| 27.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
10.5%
YoY: +/-▲ 7.9%

ROE (TTM)
Q2/25
1.8%
YoY: +/-▲ 0.1%

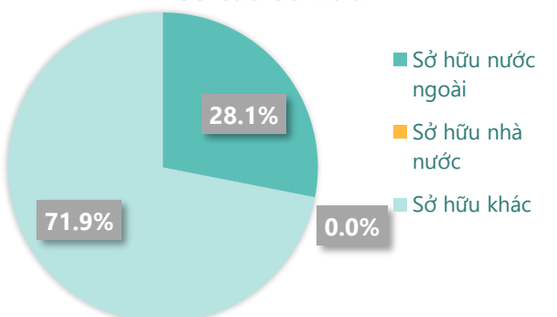
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,910 - 9,980
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,500
Số lượng CPLH (CP)	243,884,268
KLGD BQ 20 phiên (CP)	344,220
Sở hữu nước ngoài	28.1%
Beta	0.86
EPS	419
P/E	14.7

DT thuần
6T 2025
6,172
tỷ VNĐ
YoY: ▼468| -7.1%

LN thuần
6T 2025
266
tỷ VNĐ
YoY: ▼82.0| -23.7%

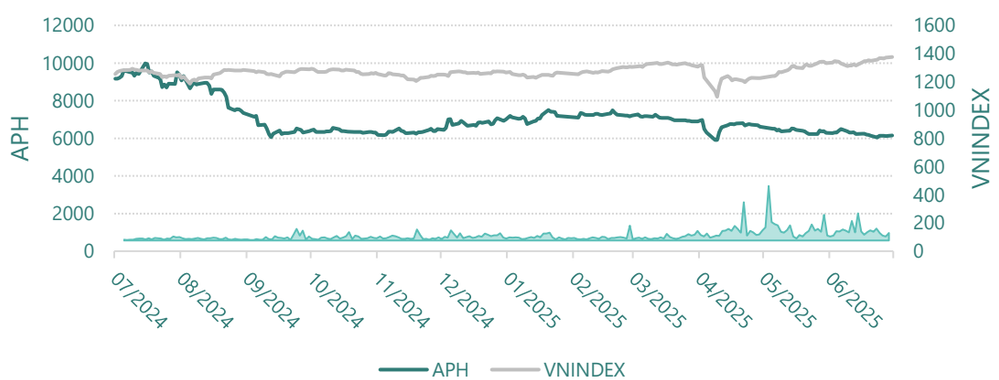
LN sau thuế
6T 2025
222
tỷ VNĐ
YoY: ▼49.0| -18.1%

Cơ cấu sở hữu

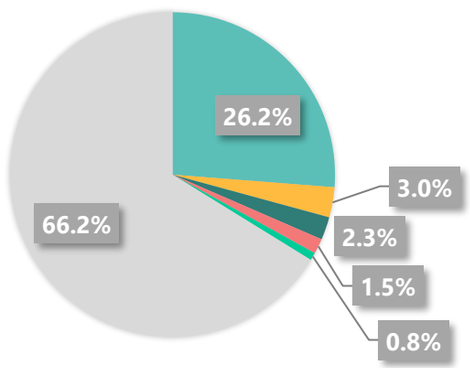


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



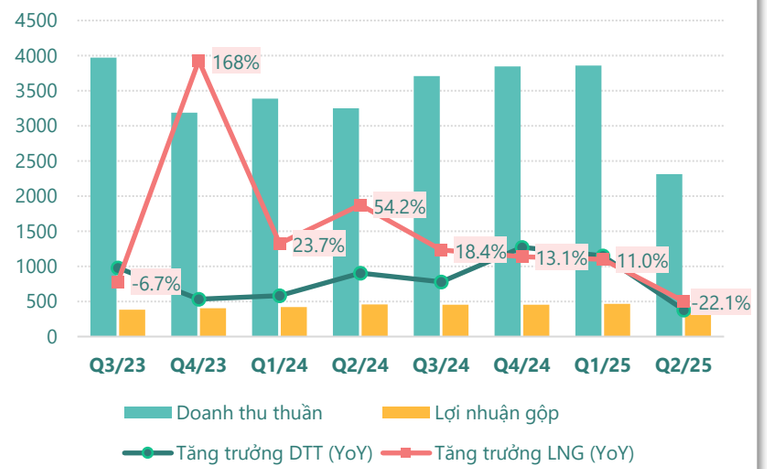
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

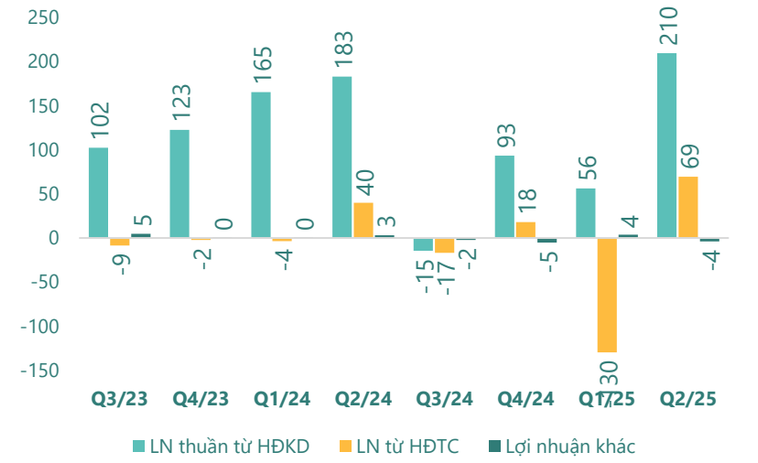
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



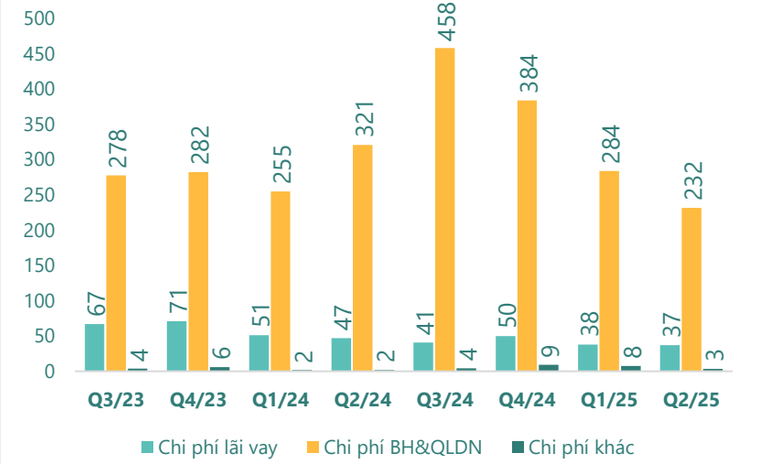
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



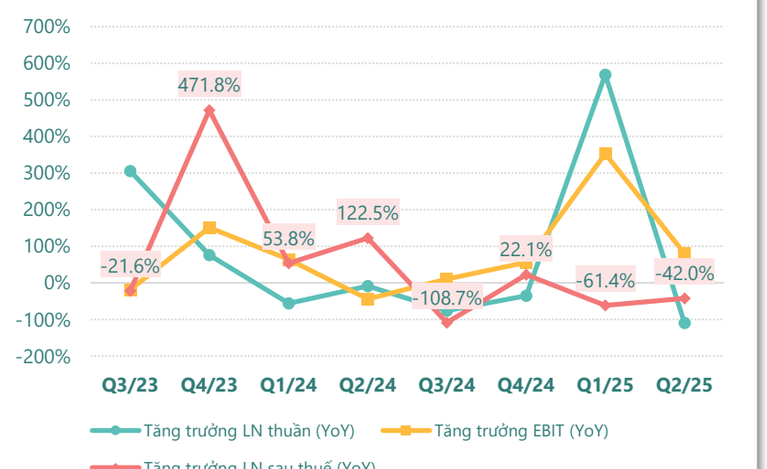
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



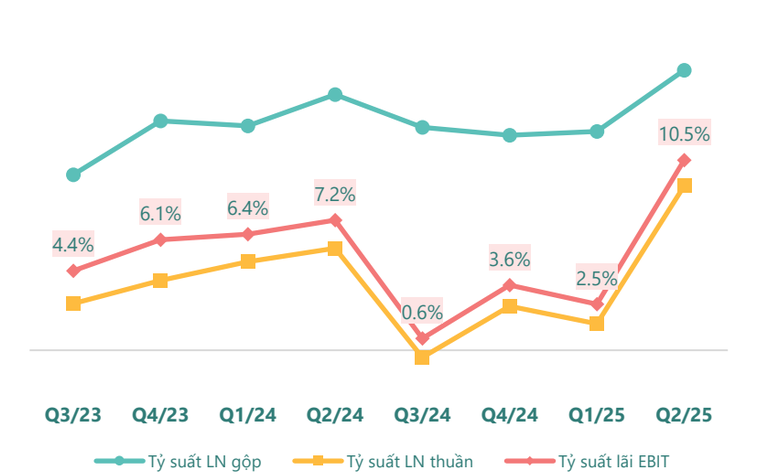
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



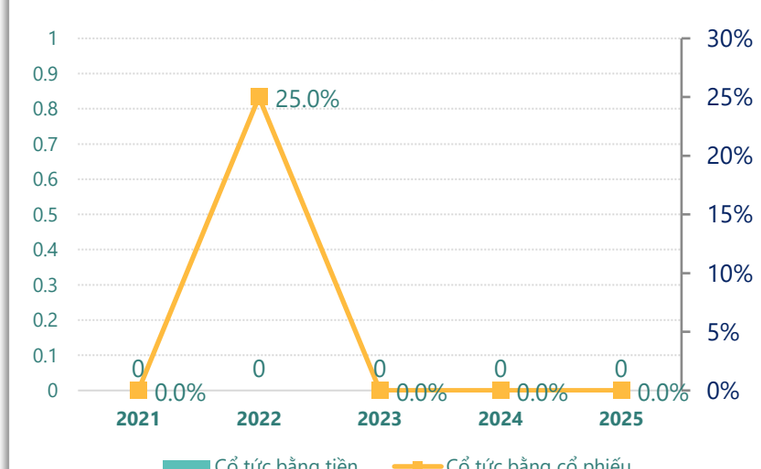
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

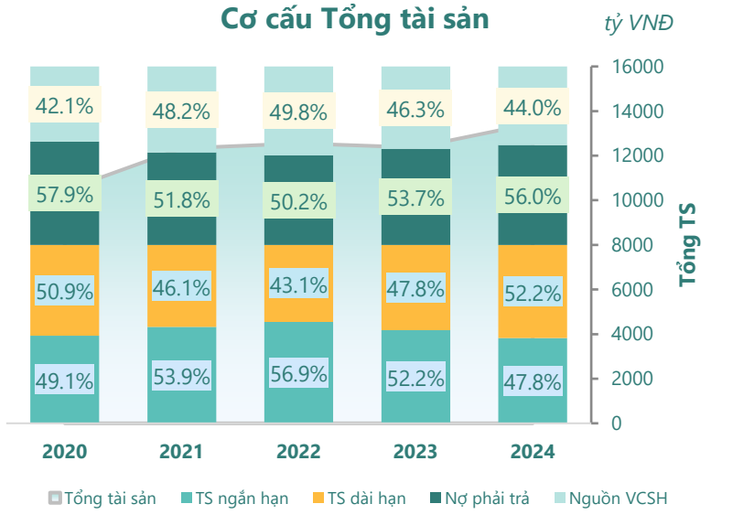
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

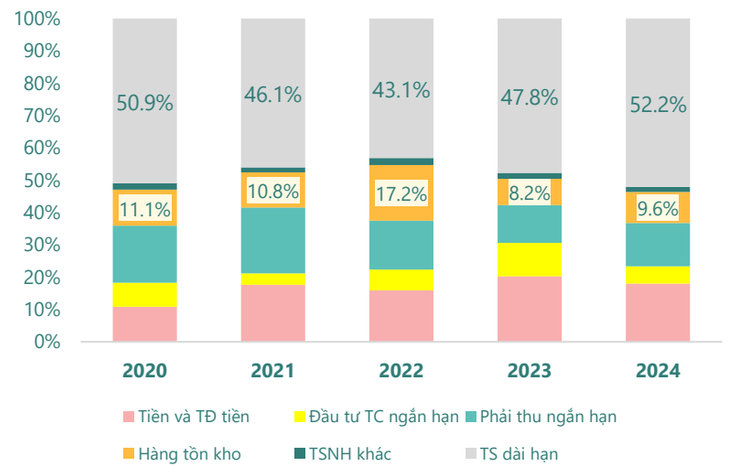
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



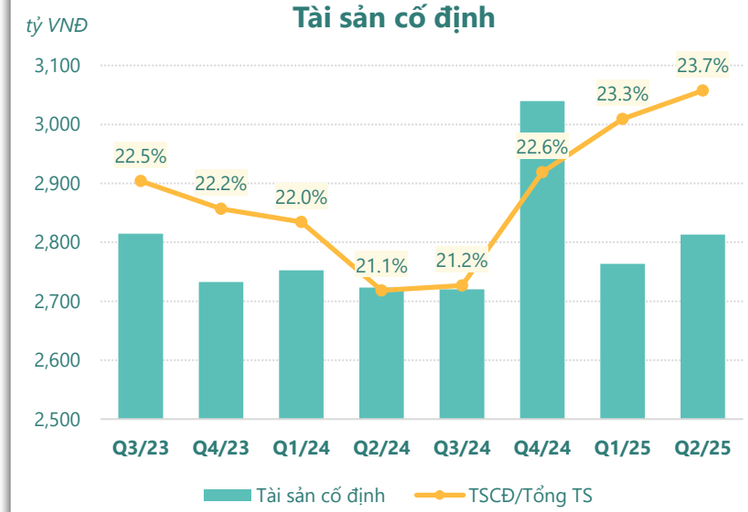
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



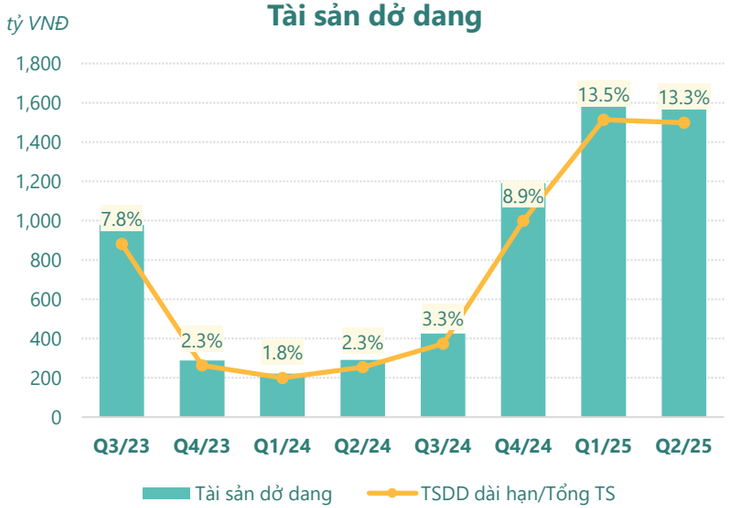
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



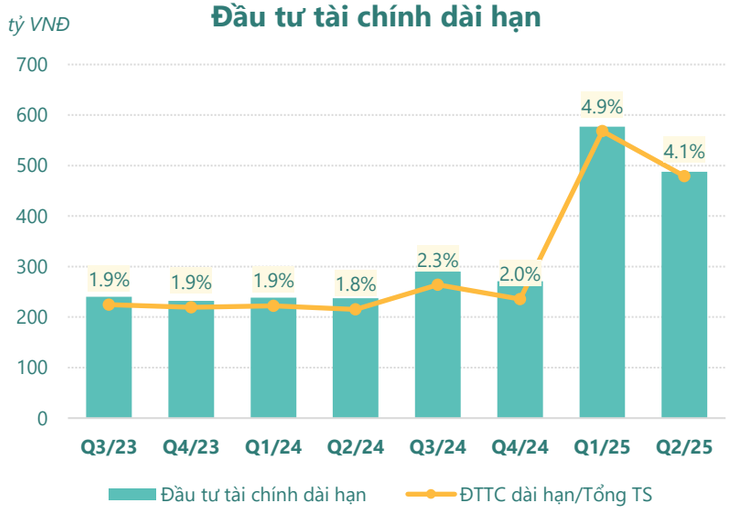
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



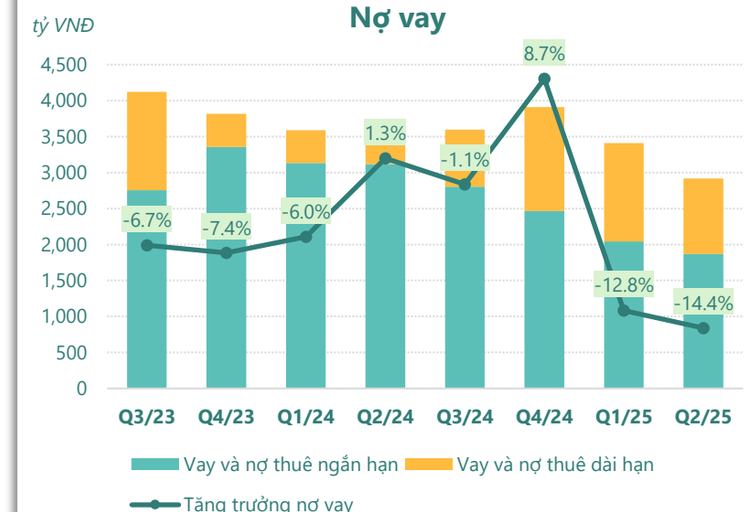
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

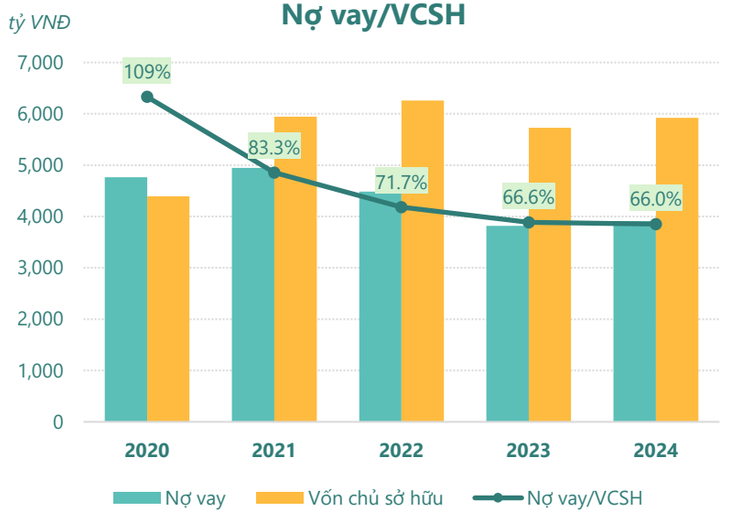
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

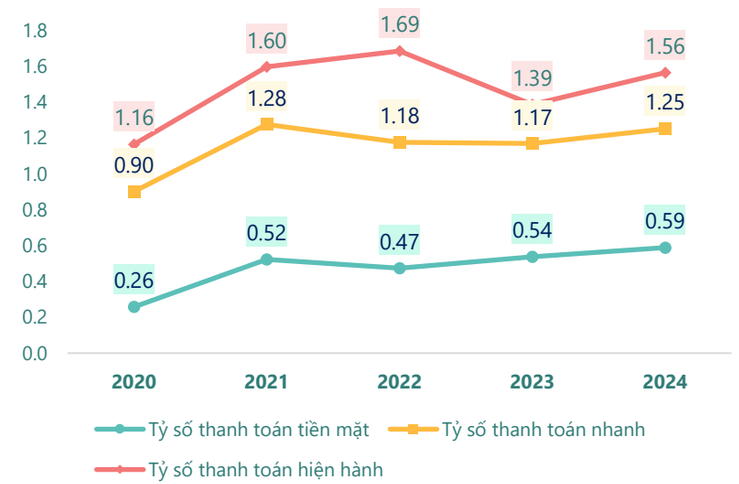
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



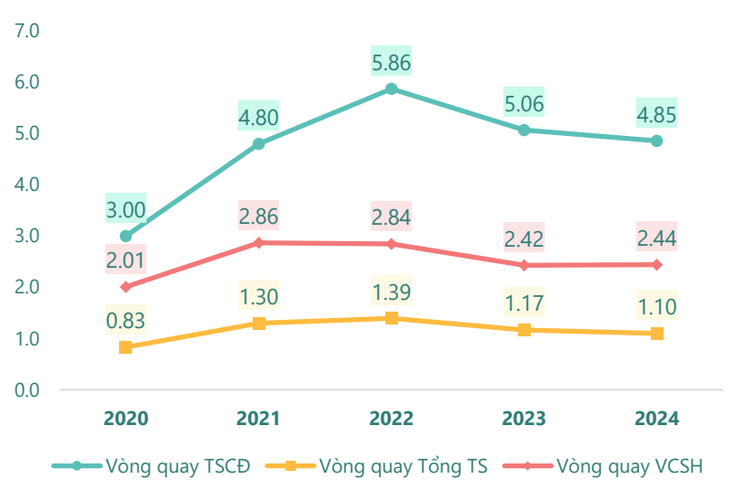
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



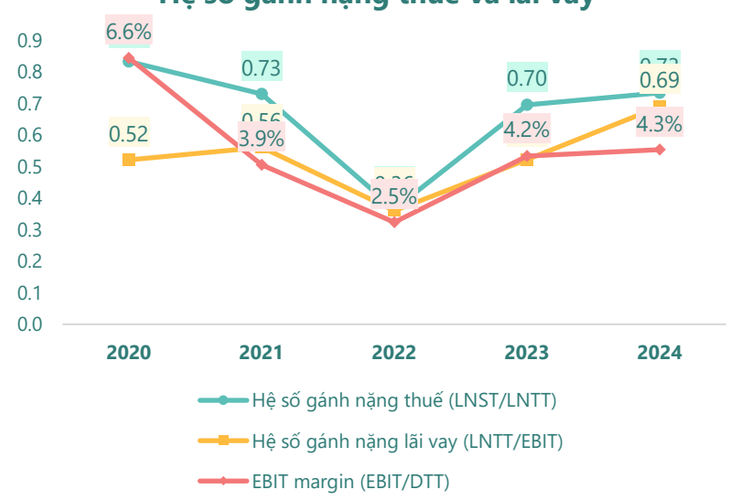
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



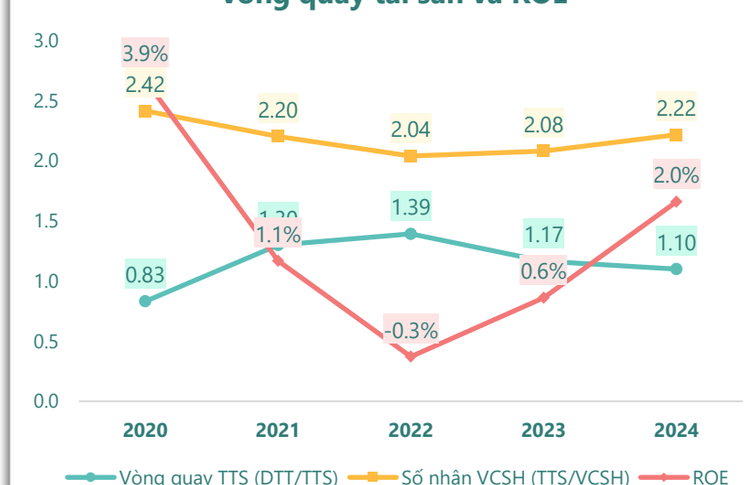
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



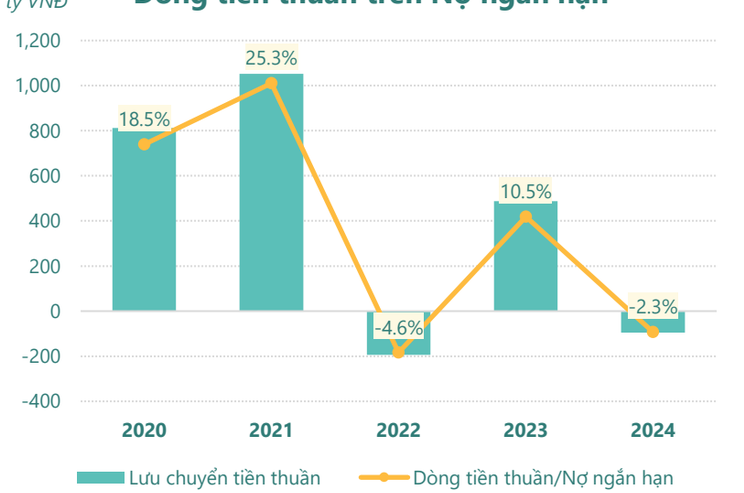
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,314**	**3,252**	**-28.9%**	**6,172**	**6,640**	**-7.1%**
Giá vốn hàng bán	1,956	2,794	-30.0%	5,349	5,762	-7.2%
Lợi nhuận gộp	357	458	-22.0%	822	878	-6.3%
Doanh thu HĐTC	68.6	102	-32.7%	101	155	-34.6%
Chi phí TC	-0.87	62.0	-101%	161	118	36.3%
Chi phí lãi vay	36.8	47.1	-21.9%	74.8	98.3	-23.9%
LN trong công ty LKLD	**14.8**	**5.31**	**179%**	**19.1**	**10.1**	**89.8%**
Chi phí bán hàng	127	208	-38.9%	309	354	-12.8%
Chi phí QLDN	**105**	**113**	**-7.3%**	**207**	**222**	**-6.6%**
LN thuần từ HĐKD	210	183	14.6%	266	348	-23.7%
Lợi nhuận khác	**-4.00**	**3.22**	**-224%**	**-0.32**	**3.23**	**-110%**
LN trước thuế	206	186	10.6%	265	352	-24.5%
Lợi nhuận sau thuế	**175**	**138**	**27.1%**	**222**	**271**	**-18.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**60.5**	**54.2**	**11.5%**	**74.3**	**96.3**	**-22.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	220	354	-6.45	220	-69.5	282
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.8	-514	-302	208	-409	-133
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-256	37.6	-71.3	41.1	164	-573
Tiền đầu kỳ	2,505	2,447	2,361	1,946	2,421	2,107
Lưu chuyển tiền thuần	**-57.1**	**-123**	**-380**	**469**	**-314**	**-424**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.38	36.1	-34.3	5.13	0.21	26.1
Tiền cuối kỳ	2,447	2,361	1,946	2,421	2,107	1,709

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**11,878**	**13,445**	**-11.7%**
Tài sản ngắn hạn	4,562	6,433	-29.1%
Tiền và tương đương tiền	1,709	2,421	-29.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	229	719	-68.1%
Phải thu ngắn hạn	1,481	1,805	-18.0%
Hàng tồn kho	987	1,286	-23.3%
Tài sản ngắn hạn khác	155	201	-23.1%
Tài sản dài hạn	**7,317**	**7,012**	**4.3%**
Phải thu dài hạn	22.4	9.35	140%
Tài sản cố định	2,813	3,040	-7.5%
Bất động sản đầu tư	1,262	1,293	-2.4%
Tài sản dở dang	1,583	1,225	29.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	487	271	80.2%
Tài sản dài hạn khác	**983**	**984**	**-0.1%**
Lợi thế thương mại	167	191	-12.6%
Nợ phải trả	6,308	7,525	-16.2%
Nợ ngắn hạn	**3,181**	**4,112**	**-22.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,867	2,555	-26.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	585	858	-31.8%
Nợ dài hạn	3,127	3,414	-8.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,051	1,354	-22.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,571**	**5,919**	**-5.9%**
Vốn chủ sở hữu	**5,571**	**5,919**	**-5.9%**
Vốn điều lệ	2,439	2,439	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)